

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-4-2021  
V/v: Tranh chấp  
xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Á

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Ngọc Điệp
2. Ông Nguyễn Hoàng Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Phạm Thị D – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Dương Văn P – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà và ông Dương Văn P kết hôn với nhau năm 1992 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1995. Quá trình chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2005, giữa bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung. Từ đó không tìm được tiếng nói chung, nhận thấy bế tắc, vợ chồng không còn hòa hợp nên bà và ông P ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nay bà D xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Dương Văn P.

Về con chung: Bà và ông Dương Văn P có 3 con chung là Dương Văn Lăm Q (nam), sinh ngày 16/7/1993, Dương Văn Thanh T (nam), sinh ngày 08/12/1995, Dương Văn H (nam), sinh ngày 07/01/2005, Hiện hai con tên

Dương Văn Lãm Q và Dương Văn Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên Dương Văn H hiện đang sống cùng bà nên sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị D có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Dương Văn P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp. Đối với bị đơn ông Dương Văn P. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định để triệu tập ông P đến Tòa án nhưng ông P vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận cho bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Dương Văn P. Về con chung: Giao cháu Dương Văn H (nam), sinh ngày 07/01/2005 cho bà Phạm Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Do ông P vắng mặt nên vấn đề tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị D và anh Dương Văn P do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Do ông P có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Dương Văn P vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa bà Phạm Thị D và ông Dương Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung không

hạnh phúc. Tòa án đã mời bà D và ông P đến Tòa án để tiến hành hòa giải giúp ông bà hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông P không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ ông P không xem trọng cuộc hôn nhân này. Quá trình tố tụng bà D vẫn kiên quyết ly hôn với ông P nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà D được ly hôn với và ông Dương Văn P.

[4] Về con chung: Bà và ông Dương Văn P có 3 con chung là Dương Văn Lãm Q (nam), sinh ngày 16/7/1993, Dương Văn Thanh T (nam), sinh ngày 08/12/1995, Dương Văn H (nam), sinh ngày 07/01/2005. Các con Q, T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Dương Văn H, sinh năm 2005, hiện đang sống cùng bà D, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu H vẫn đang sống cùng bà D, được bà chăm sóc tốt và cho đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng sống cùng mẹ (bút lục 17) nên yêu cầu nuôi cháu H của bà D là có căn cứ chấp nhận. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Dương Văn P không ai được quyền cản trở.

[5] Về vấn đề tài sản chung và nợ chung: Do ông Dương Văn P vắng mặt, không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà D phải chịu là 300.000 đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Dương Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Văn H (nam), sinh ngày 07/01/2005 cho bà Phạm Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Dương Văn P không ai được quyền cản trở. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

3. Về vấn đề tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0005671 ngày

28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà D đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Á**